

Danh sách điểm của các Chi nhánh thuộc Cụm Hà Nội

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi (CN)	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	= (12)*2+(11) +(13)+(16)	
I	NHNN Chi nhánh Thành Phố Hà Nội (05 chỉ tiêu chuyên viên nghiệp vụ, 01 chỉ tiêu kỹ sư CNTT)																
1	2015	Nguyễn Khánh Linh	06/09/1993		NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Khá		56,5	68	72	80	96	20	284,5	Trúng tuyển
2	2022	Trần Quốc Phương	21/02/1994		NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá		71,5	68	64	84	98	0	271,5	Trúng tuyển
3	2018	Đới Thị Khánh Ly		06/05/1985	NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi	x	62,5	71	64	76	94	0	268,5	Trúng tuyển
4	2027	Nguyễn Thu Trang		08/12/1988	NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	ĐH ngoại thương	Giỏi	x	67	58	84	64	92	0	267	Trúng tuyển
5	2002	Tổng Quang Anh	16/11/1994		NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	ĐH ngoại thương	Giỏi		68,5	57	80	84	Miễn	0	262,5	Trúng tuyển
6	2011	Trần Minh Hoàng	19/09/1995		NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế - ĐH Quốc gia	Khá		70,5	47	72	84	98	0	236,5	
7	2003	Nguyễn Lan Anh		08/05/1992	NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	ĐH Thăng Long	Giỏi		54	52	76	76	98	0	234	
8	2004	Nguyễn Việt Anh	01/07/1989		NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	ĐH ngoại thương	Khá	x	33	50	76	72	91,5	20	229	
9	2012	Khổng Thị Kim Huệ		11/09/1988	NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá	x	50	52	72	60	96	0	226	
10	2023	Hoàng Thị Quyên		31/07/1992	NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh doanh và công nghệ HN	Giỏi		35,5	52,5	76	76	94	0	216,5	
11	2020	Ngô Thị Hồng Nhung		26/08/1990	NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá		35,5	50	68	72	92	0	203,5	
12	2026	Đặng Thanh Thanh		05/11/1995	NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	Học viện tài chính	Giỏi		29	43	72	68	84	0	187	
13	2014	Nguyễn Thị Bích Liên		10/10/1988	NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế - ĐH Quốc gia	Khá	x	39,5	41	64	76	90	0	185,5	

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi (CN)	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	$= (12) * 2 + (11) + (13) + (16)$	
14	2025	Nguyễn Sơn Tùng	25/07/1995		NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá		31	40	68	60	92	0	179	
15	2008	Nguyễn Đăng Đại	19/07/1991		NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	ĐH KD&CN HN	Khá		42,5	36	60	76	90	0	174,5	
16	2009	Nguyễn Minh Hằng		19/12/1992	NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi		40,5	23	84	84	100	0	170,5	
17	2007	Nguyễn Quang Đại	09/08/1993		NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	Học viện tài chính	Giỏi		30,5	43	52	64	87,25	0	168,5	
18	2001	Nguyễn Thị Lan Anh		03/03/1993	NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	ĐH KD&CN HN	Khá		40	31	60	68	88	0	162	
19	2021	Phạm Cao Phong	20/10/1992		NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá	x	21,5	36,5	56	88	94	0	150,5	
20	2016	Nguyễn Thùy Linh		22/10/1995	NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	ĐH KD&CN HN	Giỏi		27,5	19	64	64	90	0	129,5	
21	2019	Trương Hải Nhi		18/02/1995	NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	ĐH KD&CN HN	Khá		25	20	40	60	68	0	105	
22	2005	Nguyễn Huy Bình	01/10/1988		NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Khá								0	Không dự thi
23	2006	Hoàng Thị Dịu		28/02/1987	NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	HV báo chí tuyên truyền	Khá								0	Không dự thi
24	2010	Bùi Thị Hiếu		20/11/1988	NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá									Không dự thi
25	2013	Lê Minh Huyền		21/11/1991	NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi	x								Không dự thi
26	2017	Hà Thị Phương Linh		29/11/1993	NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá									Không dự thi
27	2024	Ngô Phú Sơn	24/06/1993		NHNN Hà Nội	CV nghiệp vụ	ĐH Southern New Hampshire	Khá									Không dự thi
28	2028	Triệu Thị Thanh		04/08/1987	NHNN Hà Nội	Kỹ sư CNTT	Học viện Tài chính	Khá									Không dự thi

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi (CN)	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	$=(12)*2+(11)+(13)+(16)$	
1	2029	Giang Quốc Trường	17/01/1991		NHNN Hà Nội	Kỹ sư CNTT	HV Công nghệ BCVT	TB Khá		66	57,5	76	Miễn	82	0	257	Trúng tuyển
II	NHNN Chi nhánh Hà Tĩnh (02 chỉ tiêu chuyên viên nghiệp vụ)																
1	2032	Trần Anh Đức	13/04/1995		NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Xuất sắc		74,5	68	84	76	82	0	294,5	Trúng tuyển
2	2039	Nguyễn Công Hoàng	20/11/1989		NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Khá	x	65	66	80	80	96,5	0	277	Trúng tuyển
3	2045	Nguyễn Xuân Nguyên	02/03/1988		NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		57	55,5	80	88	96	20	268	
4	2052	Hồ Thị Huyền Trang		10/06/1995	NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	ĐH Ngoại Thương	Giỏi		55	58	84	80	92	0	255	
5	2049	Lê Thị Huyền Thanh		30/08/1995	NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Giỏi		53	57	76	68	96	0	243	
6	2037	Ngô Thị Việt Hòa		19/09/1993	NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	Kinh tế Quốc dân	Khá		52,5	50	84	68	83	0	236,5	
7	2034	Nguyễn Thị Việt Hà		12/02/1995	NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	ĐH Ngoại Thương	Khá		38	52	68	80	98	0	210	
8	2055	Kiều Hồng Vân		01/07/1993	NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Khá		28	43	96	68	86	0	210	
9	2047	Trương Thị Hạ Quyên		08/04/1995	NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	ĐH Ngoại Thương	Giỏi		52	46	56	84	94	0	200	
10	2046	Võ Thị Ngọc Phú		01/10/1993	NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	ĐH Thương mại	Khá		39	35	76	84	86	0	185	
11	2042	Đoàn Phương Linh		22/11/1994	NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	ĐH KD&CN HN	Khá		36,5	42	60	76	94	0	180,5	
12	2051	Cao Thanh Thủy		25/04/1994	NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	Học viện Tài Chính	Khá		39	33	60	60	92	0	165	
13	2040	Nguyễn Thị Huệ		01/02/1989	NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	ĐH Công Đoàn	Khá		26	36	56	68	77,75	0	154	
14	2038	Trần Thị Thục Hoài		25/12/1994	NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	ĐH Ngoại Thương	Khá		41	26,5	56	76	98	0	150	

HK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi (CN)	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	= (12)*2+(11) +(13)+(16)	
15	2048	Hoàng Quốc Tuấn	01/05/1993		NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	Kinh tế Quốc dân	Khá		36	21	60	68	94	0	138	
16	2030	Nguyễn Thị Hà Anh		25/12/1995	NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	Kinh tế Quốc dân	Khá		39	7	84	72	Miễn	0	137	
17	2031	Nguyễn Công Đạt	08/07/1993		NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	Học Viện Tài Chính	Giỏi									Không dự thi
18	2033	Trần Lê Trường Giang	29/7/1993		NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	ĐH Ngoại Thương	Khá									Không dự thi
19	2035	Lê Ngọc Hiền		28/04/1993	NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	ĐH Bách khoa	Khá									Không dự thi
20	2036	Nguyễn Thị Phương Hiền		04/06/1990	NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Giỏi									Không dự thi
21	2041	Thái Thị Thu Huyền		08/05/1993	NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	ĐH Hà Tĩnh	Khá									Không dự thi
22	2043	Trần Khánh Ly		08/10/1994	NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá									Không dự thi
23	2044	Lê Thị Nga		12/12/1990	NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	ĐH Thăng Long	Giỏi	x								Không dự thi
24	2050	Phạm Huy Thông	21/02/1992		NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Khá									Không dự thi
25	2053	Nguyễn Thị Huyền Trang		08/08/1993	NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	Học Viện Tài Chính	Giỏi									Không dự thi
26	2054	Nguyễn Thị Cẩm Vân		10/07/1994	NHNN Hà Tĩnh	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá									Không dự thi
III NHNN Chi nhánh Hải Phòng (05 chỉ tiêu chuyên viên nghiệp vụ, 01 chỉ tiêu kỹ sư CNTT)																	
1	2071	Nguyễn Đình Quang	08/11/1990		NHNN Hải Phòng	CV nghiệp vụ	Học viện tài chính	Giỏi	x	71,5	69	88	88	96	0	297,5	Trúng tuyển
2	2058	Vũ Thị Vân Anh		02/11/1995	NHNN Hải Phòng	CV nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá		63	52	88	68	96	0	255	Trúng tuyển
3	2076	Nguyễn Thùy Trang		14/07/1989	NHNN Hải Phòng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Khá	x	50	55	80	72	93	0	240	Trúng tuyển

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi (CN)	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	$= (12) * 2 + (11) + (13) + (16)$	
4	2073	Lê Văn Thịnh	30/08/1993		NHNN Hải Phòng	CV nghiệp vụ	ĐH KD&CN HN	Khá		52	51	84	80	94,5	0	238	Trúng tuyển
5	2059	Lê Thị Vân Anh		20/04/1988	NHNN Hải Phòng	CV nghiệp vụ	ĐH Hà Nội	Khá		53	56	68	80	98	0	233	Trúng tuyển
6	2077	Đỗ Thị Hồng Xuyên		05/05/1991	NHNN Hải Phòng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Giỏi	x	66,5	47	80	64	92	0	240,5	
7	2075	Lê Thị Hương Trang		28/11/1990	NHNN Hải Phòng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Giỏi		62,5	45	84	68	88	0	236,5	
8	2068	Tạ Thị Hồng Minh		18/01/1996	NHNN Hải Phòng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Xuất sắc		35,5	53	76	84	100	0	217,5	
9	2065	Phạm Thị Thanh Huyền		06/05/1994	NHNN Hải Phòng	CV nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá		60,5	42	72	72	94	0	216,5	
10	2070	Nguyễn Quang Nhật	11/11/1989		NHNN Hải Phòng	CV nghiệp vụ	ĐH KD&CN HN	Khá		50	44	64	68	95,5	0	202	
11	2067	Hoàng Ngọc Mai		23/09/1995	NHNN Hải Phòng	CV nghiệp vụ	Học viện tài chính	Giỏi		52	34	80	72	90	0	200	
12	2072	Lương Đức Thành	24/05/1991		NHNN Hải Phòng	CV nghiệp vụ	ĐH Hải Phòng	Khá		37	36	72	76	98	0	181	
13	2060	Hà Tuấn Anh	02/05/1993		NHNN Hải Phòng	CV nghiệp vụ	ĐH KD&CN HN	Khá		33	29	72	80	70	0	163	
14	2066	Nguyễn Phương Liên		04/02/1992	NHNN Hải Phòng	CV nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá		23	9	32	52	50	0	73	
15	2056	Trần Thị Lan Anh		20/12/1991	NHNN Hải Phòng	CV nghiệp vụ	Học viện tài chính	Khá									Không dự thi
16	2057	Ngô Thị Lương Anh		02/7/1985	NHNN Hải Phòng	CV nghiệp vụ	ĐH Ngoại thương	Khá	x								Không dự thi
17	2061	Nguyễn Thị Bình		25/01/1992	NHNN Hải Phòng	CV nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Giỏi									Không dự thi
18	2062	Nguyễn Thị Thu Hà		15/06/1986	NHNN Hải Phòng	CV nghiệp vụ	ĐH Thăng Long	Khá	x								Không dự thi
19	2063	Vũ Đức Hoàng	19/11/1995		NHNN Hải Phòng	CV nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá									Không dự thi

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi (CN)	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	$= (12) * 2 + (11) + (13) + (16)$	
20	2064	Đặng Thúy Hồng		04/12/1993	NHNN Hải Phòng	CV nghiệp vụ	ĐH KT Kỹ thuật CNo	Khá									Không dự thi
21	2069	Phạm Hoàng Minh	13/06/1994		NHNN Hải Phòng	CV nghiệp vụ	Học viện tài chính	Khá									Không dự thi
22	2074	Nguyễn Văn Thịnh	08/11/1993		NHNN Hải Phòng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Khá									Không dự thi
23	2078	Nguyễn Sinh Thành	11/10/1987		NHNN Hải Phòng	Kỹ sư CNTT	ĐH Bách khoa HN	Giỏi	x								Không dự thi
IV	NHNN Chi nhánh Nam Định (02 chỉ tiêu chuyên viên nghiệp vụ)																
1	2086	Phạm Khắc Ruệ	18/01/1994		NHNN Nam Định	CV nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Giỏi		70	68	92	76	95	20	318	Trúng tuyển
2	2085	Trần Thị Thanh Nga		04/3/1986	NHNN Nam Định	CV nghiệp vụ	ĐH Phương Đông	Giỏi	x	70,5	65	76	84	Miễn	0	276,5	Trúng tuyển
3	2080	Trần Tú Anh		25/8/1996	NHNN Nam Định	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi		72	57	88	72	98	0	274	
4	2079	Vũ Thị Kim Anh		26/01/1994	NHNN Nam Định	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Xuất sắc		57	61	88	84	96	0	267	
5	2087	Trần Phương Thảo		27/01/1995	NHNN Nam Định	CV nghiệp vụ	ĐH Ngoại Thương	Giỏi		51	43	88	80	96	0	225	
6	2081	Bùi Thu Cúc		06/3/1994	NHNN Nam Định	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi		52,5	46	68	84	94,5	0	212,5	
7	2084	Vũ Thị Hà		07/11/1992	NHNN Nam Định	CV nghiệp vụ	ĐH KT Kỹ thuật CNo	Khá		31	40	68	44	66	0	179	
8	2082	Mai Thị Chi		27/11/1995	NHNN Nam Định	CV nghiệp vụ	ĐH Công nghiệp HN	Khá		42,5	25	80	72	90	0	172,5	
9	2088	Phạm Đức Thắng	23/8/1992		NHNN Nam Định	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		24	44	56	76	83	0	168	
10	2083	Lại Hương Giang		03/01/1992	NHNN Nam Định	CV nghiệp vụ	HVNH - ĐH Sunderland	Khá		20,5	29	60	64	Miễn	0	138,5	
11	2089	Trần Phương Thịnh	26/11/1994		NHNN Nam Định	CV nghiệp vụ	ĐH Ngoại Thương	Giỏi									Không dự thi

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi (CN)	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	$=(12)*2+(11)+(13)+(16)$	
V NHNN Chi nhánh Quảng Ninh (01 chỉ tiêu chuyên viên nghiệp vụ)																	
1	2091	Nguyễn Thu Hà		08/6/1988	NHNN Quảng Ninh	CV nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Giỏi		72	66	92	72	100	0	296	Trúng tuyển
2	2094	Phạm Thị Minh Phương		19/9/1990	NHNN Quảng Ninh	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi		67	50	72	84	Miễn	0	239	
3	2090	Nguyễn Thị Anh Đào		12/8/1991	NHNN Quảng Ninh	CV nghiệp vụ	ĐH Đại Nam	Khá		51,5	56	68	64	80	0	231,5	
4	2093	Hoàng Tuyết Mai		28/7/1992	NHNN Quảng Ninh	CV nghiệp vụ	ĐH FPT	Khá		53	21	84	76	98	0	179	
5	2096	Đinh Thúy Quỳnh		20/4/1990	NHNN Quảng Ninh	CV nghiệp vụ	ĐHKT kỹ thuật CNo	Khá		30	44	36	80	92	0	154	
6	2095	Nguyễn Thị Quyên		06/11/1988	NHNN Quảng Ninh	CV nghiệp vụ	ĐH Thăng Long	Khá		36	30	56	60	92	0	152	
7	2092	Chu Lan Hương		19/3/1989	NHNN Quảng Ninh	CV nghiệp vụ	ĐH Thăng Long	Khá	x								Không dự thi
8	2097	Vũ Quỳnh Trang		08/10/1986	NHNN Quảng Ninh	CV nghiệp vụ	ĐH kinh tế quốc dân	Khá	x								Không dự thi
VI NHNN Chi nhánh Bắc Kạn (01 chỉ tiêu chuyên viên nghiệp vụ)																	
1	2100	Đỗ Thị Hạnh		22/04/1995	NHNN Bắc Kạn	CV nghiệp vụ	ĐH KTQTKD (ĐH Thái Nguyên)	Khá		50	50	56	68	91	0	206	Trúng tuyển
2	2102	Nguyễn Thanh Huyền		04/06/1994	NHNN Bắc Kạn	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		44	26	84	84	88	0	180	
3	2099	Trương Thị Ánh		30/01/1995	NHNN Bắc Kạn	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		30	23	72	76	94	20	168	
4	2098	Lê Thị Thái An		26/12/1992	NHNN Bắc Kạn	CV nghiệp vụ	ĐHKT - ĐH Quốc gia HN	Khá									Không dự thi
5	2101	Huỳnh Thị Ngọc Huyền		10/02/1993	NHNN Bắc Kạn	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi									Không dự thi

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi (CN)	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	$=(12)*2+(11)+(13)+(16)$	
VII	NHNN Chi nhánh Hà Nam (01 chỉ tiêu chuyên viên nghiệp vụ)																
1	2103	Vũ Trung Kiên	20/12/1994		NHNN Hà Nam	CV nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Khá		51	50	68	64	94	0	219	Trúng tuyển
VIII	NHNN Chi nhánh Hải Dương (02 chỉ tiêu chuyên viên nghiệp vụ)															0	
1	2116	Trần Thị Xuân Mỹ		20/6/1987	NHNN Hải Dương	CV nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Giỏi	x	79	67	84	96	92	0	297	Trúng tuyển
2	2112	Đặng Văn Hưng	05/9/1990		NHNN Hải Dương	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Giỏi	x	70	62	80	80	94	0	274	Trúng tuyển
3	2107	Phạm Thị Cường		18/01/1988	NHNN Hải Dương	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi		58	56	68	64	94	20	258	
4	2109	Phạm Phương Hoa		29/11/1995	NHNN Hải Dương	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi		66	60	72	76	90	0	258	
5	2119	Phan Đình Phúc	01/10/1994		NHNN Hải Dương	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Giỏi		64,5	51	80	72	94	0	246,5	
6	2115	Đỗ Ngọc Mai		29/11/1987	NHNN Hải Dương	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Giỏi		69	52	72	Miễn	94	0	245	
7	2110	Nguyễn Thị Hoa		25/6/1993	NHNN Hải Dương	CV nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Khá		58	56	48	80	90	0	218	
8	2106	Nguyễn Quý Bằng	05/8/1993		NHNN Hải Dương	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Giỏi		53,5	38	80	76	92	0	209,5	
9	2120	Ngô Thị Thu Quỳnh		15/9/1993	NHNN Hải Dương	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế - ĐHQG	Giỏi		50	47	64	68	94	0	208	
10	2114	Nguyễn Thị Ngọc Linh		23/10/1988	NHNN Hải Dương	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Khá	x	57	38	68	72	Miễn	0	201	
11	2104	Vũ Thị Lan Anh		18/08/1994	NHNN Hải Dương	CV nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Khá		26	38	72	68	82	0	174	
12	2108	Nguyễn Thị Hằng		25/6/1992	NHNN Hải Dương	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		46	29	60	72	82,5	0	164	
13	2117	Đinh Thị Yến Ngọc		21/12/1994	NHNN Hải Dương	CV nghiệp vụ	ĐH Ngoại Thương	Khá		12	20	72	84	96	0	124	

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi (CN)	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	$= (12) * 2 + (11) + (13) + (16)$	
14	2118	Nguyễn Thế Nhạ	19/9/1993		NHNN Hải Dương	CV nghiệp vụ	ĐH Sao Đỏ	Khá		29	24	40	64	82,5	0	117	
15	2111	Vũ Thị Huyền		31/8/1988	NHNN Hải Dương	CV nghiệp vụ	ĐH KD&CN HN	Khá		14	20	52	52	75	0	106	
16	2105	Nghiêm Công Tuấn Anh	07/3/1992		NHNN Hải Dương	CV nghiệp vụ	ĐH Hải Dương	Giỏi		20	15	40	72	85,5	0	90	
17	2113	Đinh Thị Thu Hương		03/10/1989	NHNN Hải Dương	CV nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Khá									Không dự thi
18	2121	Trần Thị Huyền Trang		12/11/1993	NHNN Hải Dương	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá									Không dự thi
IX	NHNN Chi nhánh Bắc Giang (01 chỉ tiêu chuyên viên nghiệp vụ)																
1	2123	Dương Thị Quý Hải		14/8/1994	NHNN Bắc Giang	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		70	67	80	72	92	0	284	Trúng tuyển
2	2124	Trần Thị Hằng		11/05/1995	NHNN Bắc Giang	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi		66,5	57	84	84	94	0	264,5	
3	2127	Đặng Thanh Nhã		07/02/1985	NHNN Bắc Giang	CV nghiệp vụ	ĐH Ngoại thương	Khá		50	65	68	88	94	0	248	
4	2126	Hoàng Thị Ánh Nguyệt		05/04/1992	NHNN Bắc Giang	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		39	37	88	80	92	0	201	
5	2130	Nguyễn Thị Thêm		27/6/1992	NHNN Bắc Giang	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		50	43	64	64	Miễn	0	200	
6	2125	Đỗ Thị Thanh Mai		01/06/1991	NHNN Bắc Giang	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi		39	23	76	68	89,5	0	161	
7	2122	Đào Thị Thu Hà		22/8/1994	NHNN Bắc Giang	CV nghiệp vụ	ĐH Thăng Long	Khá									Không dự thi
8	2128	Nguyễn Thị Nhung		01/11/1990	NHNN Bắc Giang	CV nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Giỏi									Không dự thi
9	2129	Nguyễn Đình Quân	20/9/1987		NHNN Bắc Giang	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Khá									Không dự thi
10	2131	Thân Hải Vân		20/12/1989	NHNN Bắc Giang	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Xuất sắc									Không dự thi

HK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi (CN)	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm =(12)*2+(11))+(13)+(16)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)		
X	NHNN Chi nhánh Thái Nguyên (02 chỉ tiêu chuyên viên nghiệp vụ)																
1	2133	Nguyễn Hạnh Dung		04/08/1988	NHNN Thái Nguyên	CV nghiệp vụ	ĐH Công Đoàn	Giỏi	x	73,5	74	76	72	90	0	297,5	Trúng tuyển
2	2143	Ngô Thị Thu Mai		20/07/1990	NHNN Thái Nguyên	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Giỏi	x	59,5	69	84	84	92	0	281,5	Trúng tuyển
3	2144	Bùi Thị Kim Ngân		01/10/1993	NHNN Thái Nguyên	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		76,5	56,5	88	84	91	0	277,5	
4	2154	Nguyễn Thị Hải Vân		12/06/1988	NHNN Thái Nguyên	CV nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Khá	x	56	59,5	88	84	98	0	263	
5	2140	Đoàn Hữu Khánh	09/11/1993		NHNN Thái Nguyên	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế và QTKD - ĐH Thái Nguyên	Khá		59,5	49	80	72	86	0	237,5	
6	2148	Hà Mạnh Tuấn	16/10/1990		NHNN Thái Nguyên	CV nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Khá	x	45	56	76	84	86	0	233	
7	2153	Vũ Thị Trinh		29/11/1987	NHNN Thái Nguyên	CV nghiệp vụ	ĐH Quốc gia HN	Khá	x	60	45	80	72	84	0	230	
8	2138	Trần Thị Thu Hường		17/06/1991	NHNN Thái Nguyên	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		52,5	50	76	84	91	0	228,5	
9	2152	Nguyễn Phương Thảo		03/12/1995	NHNN Thái Nguyên	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		33,5	52	60	72	91	20	217,5	
10	2145	Vũ Thị Hồng Nhung		29/01/1993	NHNN Thái Nguyên	CV nghiệp vụ	ĐH Ngoại thương	Khá		53,5	31	72	68	92	0	187,5	
11	2146	Đào Duy Quảng	18/07/1989		NHNN Thái Nguyên	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế và QTKD - ĐH Thái Nguyên	Khá		61,5	32	60	68	94	0	185,5	
12	2150	Nguyễn Thanh Tùng	04/09/1993		NHNN Thái Nguyên	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Khá		43,5	32	76	76	88	0	183,5	
13	2135	Doãn Thị Giang		19/04/1994	NHNN Thái Nguyên	CV nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Giỏi		26	36	72	80	86	0	170	
14	2149	Nông Anh Tuấn	03/09/1991		NHNN Thái Nguyên	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh doanh và Công nghệ HN	Khá		22	31	60	56	77	20	164	
15	2132	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		05/12/1995	NHNN Thái Nguyên	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế và QTKD - ĐH Thái Nguyên	Khá		18	35	52	72	92	0	140	

HK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi (CN)	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	$= (12) * 2 + (11) + (13) + (16)$	
16	2142	Nguyễn Thành Luân	27/06/1990		NHNN Thái Nguyên	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		26,5	0	0	0	0	0	26,5	
17	2134	Nguyễn Việt Dũng	31/07/1991		NHNN Thái Nguyên	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá									Không dự thi
18	2136	Tạ Hồng Hạnh		12/11/1992	NHNN Thái Nguyên	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế và QTKD - ĐH Thái Nguyên	Giỏi									Không dự thi
19	2137	Đỗ Quỳnh Hương		06/12/1995	NHNN Thái Nguyên	CV nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Xuất sắc									Không dự thi
20	2139	Nguyễn Đức Khánh	09/10/1995		NHNN Thái Nguyên	CV nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Khá									Không dự thi
21	2141	Nguyễn Thị Lâm		21/07/1990	NHNN Thái Nguyên	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi									Không dự thi
22	2147	Lê Thị Như Quỳnh		05/08/1992	NHNN Thái Nguyên	CV nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Giỏi									Không dự thi
23	2151	Nguyễn Thị Phương Thảo		29/12/1994	NHNN Thái Nguyên	CV nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Giỏi									Không dự thi

th

14.1